UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 1492 /BC-SNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
Tổng hợp, tiếp thu, điều chỉnh và giải trình ý kiến góp về dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Trên cơ sở góp ý đối với hồ sơ dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 của 15/16 cơ quan, đơn vị có liên quan *(có đính kèm các văn bản)*; gồm có 09 cơ quan, đơn vị[1] có ý kiến thống nhất hoàn toàn và 06 cơ quan, đơn vị[2] có ý kiến tham gia góp ý và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tiếp thu, điều chỉnh và giải trình ý kiến như sau:

TT	Các ý kiến tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa
I	**Sở Tài chính tại Công văn số 1021/STC-HCSN ngày 28/3/2024** 1. Về việc ban hành chính sách mới: Tại điểm a khoản 4 mục II Thông báo kết luận số 321/TB-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tháng 7, 7 tháng đầu năm 2022 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 8 năm 2022: *"...;không tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính*	**Đơn vị soạn thảo giải trình làm rõ một số nội dung như sau:** **** Về cơ sở pháp lý:*** - Đối tượng đơn vị trình đề nghị xây dựng nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ, theo khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp: *"Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân, bao gồm: a) Rừng tự nhiên; b) Rừng trồng do Nhà nước đầu tư toàn bộ; c) Rừng trồng do Nhà nước thu hồi, được*

[1] (i) Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tại Công văn số 3694/MTTQ-BTT ngày 26/3/2024; UBND: (ii) huyện Tư Nghĩa tại Công văn số 683/UBND ngày 19/3/2024; (iii) huyện Sơn Tịnh tại Công văn số 548/UBND ngày 26/3/2024; (iv) huyện Lý Sơn tại Công văn số 1108/UBND ngày 26/3/2024; (v) huyện Sơn Tây tại Công văn số 715/UBND ngày 27/3/2024; (vi) huyện Bình Sơn tại Công văn số 903/UBND ngày 28/3/2024; (vii) huyện Nghĩa Hành tại Công văn số 685/UBND ngày 01/4/2024; (viii) huyện Sơn Hà tại Công văn số 890/UBND-NN ngày 11/04/2024 và (ix) UBND thị xã Đức Phổ tại Công văn số 861/UBND ngày 28/3/2024.

[2] (i) Sở Tài chính; UBND các huyện: (ii) Trà Bồng tại Công văn số 864/UBND-LN ngày 25/3/2024; (iii) huyện Minh Long tại Công văn số 282/UBND-KTTH ngày 25/3/2024; (iv) huyện Ba Tơ tại Công văn số 567/UBND ngày 27/3/2024; (v) huyện Mộ Đức tại Công văn số 365/UBND ngày 22/3/2024; (vi) Hạt Kiểm lâm Ba Tơ tại Công văn số 123/CV-HKL ngày 21/3/2024 (trùng với ý kiến của UBND huyện Ba Tơ tại Công văn số 567/UBND ngày 27/3/2024).

TT	Các ý kiến tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa
	sách mới làm phát sinh nguồn kinh phí mà Trung ương ***không quy định bắt buộc Tỉnh phải ban hành".*** Bên cạnh đó, các chính sách quy định hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp chưa có quy định mức hỗ trợ: (i) Diện tích rừng phòng hộ tại khu vực ***nằm ngoài*** các xã khu vực II, khu vực III hoặc tại khu vực thuộc xã khu vực II, III đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn nâng cao; (ii) Các biện pháp lâm sinh áp dụng cho rừng phòng hộ, rừng sản xuất như: nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên,… trên địa bàn tỉnh; theo đó việc xây dựng Nghị quyết quy định các mức hỗ trợ đối với 03 chính sách được nêu tại dự thảo Tờ trình gồm: (1) Hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III; (2) Hỗ trợ nuôi dưỡng rừng tự nhiên; (3) Hỗ trợ làm giàu rừng tự nhiên là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý (quy định ban hành chính sách, định mức áp dụng hỗ trợ…) để đề xuất ban hành ***chính sách quy định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.*** 2. Về nguồn lực để thực hiện: tại khoản 1 Mục V dự thảo Tờ trình, dự kiến kinh phí thực hiện đến năm 2030 khoảng 39,3 tỷ đồng; giai đoạn thực hiện 2024-2025 khoảng 10 tỷ đồng (trong đó năm 2024: 4,2 tỷ đồng), đây là giai đoạn trong thời kỳ ổn định ngân sách. Mặt khác, dự toán ngân sách năm 2024 đã được giao cho các cơ quan, đơn vị nên việc cân đối nguồn lực cấp tỉnh để đảm bảo thực hiện chính sách là không khả thi.	*tặng cho hoặc trường hợp chuyển quyền sở hữu rừng trồng khác theo quy định của pháp luật."* - Theo tiết b Khoản 1, tiết a Khoản 3 và Khoản 9 Điều 87 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định Nhà nước ***đảm bảo ngân sách đầu tư*** cho các hoạt động; cụ thể: + Tại Khoản 1: *"b) Trồng, chăm sóc****, bảo vệ*** *và khoanh nuôi tái sinh rừng".* + Tại Khoản 3: *"a) Ứng dụng ..... phục hồi rừng, nâng cao chất lượng* ***rừng tự nhiên****"* + Tại Khoản 9: "Bảo *vệ và* ***phát triển rừng sản xuất là rừng tự nhiên*** *trong thời gian đóng của rừng"* - Ngoài ra, theo Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030; trong đó quy định: + Tại Khoản 1, 2 Mục VI Điều 1: *"Xây dựng mô hình điểm nâng cao chất lượng rừng, ……trong đó có biện pháp kỹ thuật lâm sinh:* ***nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên****…."* + Tại tiết 5 Khoản 2 Mục VIII Điều 1: *"Trách nhiệm của* ***UBND tỉnh trình HĐND cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện*** *các nội dung, nhiệm vụ Đề án giao cho các địa phương từ nguồn ngân sách địa phương và Chương trình, Đề án khác theo quy định".* - Với những quy định nêu trên, tuy nhiên các nội dung hỗ trợ: (i) bảo vệ rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III đã giao cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý; (ii) nuôi dưỡng rừng tự nhiên, (iii) làm giàu rừng tự nhiên ***chưa có chính sách, chương trình hỗ trợ.*** **** Về cơ sở thực tiễn:*** - Hàng năm, qua ***các đợt tiếp xúc cử tri; cử tri các xã, huyện*** có diện tích rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình, cộng đồng dân của thuộc khu vực nằm ngoài xã khu vực II, khu vực III luôn kiến nghị

TT	Các ý kiến tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa
		được nhận hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng, trồng lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, cụ thể cử tri: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức (đề xuất hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư đã được giao rừng để quản lý); tại huyện Nghĩa Hành (đề xuất khảo sát, hỗ trợ cây lâm sản ngoài gỗ);… - Nhiều khu rừng phòng hộ có cấu trúc chưa phục hồi; ít tầng, tán; nhiều diện tích là rừng gỗ có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt và rừng phục hồi sau khai thác, giá trị sử dụng và chưa đem lại hiệu quả kinh tế để góp phần cải thiện kinh tế hộ gia đình; chưa tạo động lực để các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ, phát triển rừng. **** Tính cấp thiết:*** - Nhằm lồng ghép, huy động các nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo đúng quy định; việc đề xuất cân đối, bố trí nguồn ngân sách của tỉnh để hỗ trợ công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng đảm bảo đúng phạm vi, đối tượng; không trùng lặp, chồng chéo, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. - Đảm bảo công bằng về quyền lợi, nghĩa vụ giữa các chủ rừng được Nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ rừng theo quy định, góp phần ổn định an ninh trật tự xã hội tại các địa phương. - Tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho chủ rừng quản lý, bảo vệ tốt để nâng cao chất lượng rừng và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến diện rừng được giao quản lý.
II	**UBND huyện Trà Bồng tại Công văn số 864/UBND-LN ngày 25/3/2024:** **2. Tham gia góp ý, đề xuất:** Hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III, *(kèm theo Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng NQ Quy định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030)* như sau: *2.1. Về đối tượng được hỗ trợ*: Đối tượng rừng: Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ chắn	Đơn vị soạn thảo giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau: - *Về đối tượng được hỗ trợ:* ***Rừng sản xuất là rừng tự nhiên*** giao tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản

TT	Các ý kiến tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa
	gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển. **- Đề nghị chuyển thành:** Đối tượng rừng: **Rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý**; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển	lý tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III đã được quy định hỗ trợ theo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022; được quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng tại Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 4 và Điều 13 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật lâm nghiệp ngày 15/11/2017; theo đó, phân theo mức độ xung yếu bao gồm: "*a) Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới; b) Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.*" thì đối tượng **"*rừng phòng hộ*"** đề nghị xây dựng chính sách đã đã đảm bảo đủ đối tượng.
	2.2. Mức hỗ trợ: **Đề nghị chuyển thành** - Rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý: 428.000 đồng/ha/năm; trong đó: + Hỗ trợ nhân công bảo vệ rừng: 400.000 đồng/ha/năm. + Hỗ trợ chi cho công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu: 28.000 đồng/ha/năm.	- *Về mức hỗ trợ:* Vận dụng theo định mức của các chính sách do trung ương quy định là phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, công bằng giữa các xã khu vực I, và ven biển do trung ương quy định (theo Khoản 3 Điều 6 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời, chỉ có diện tích rừng tại các xã khu vực II, III mới được hỗ trợ 428.000 đồng/ha/năm.
	2.3. Đề nghị bổ sung: * Nguồn kinh phí thực hiện: - Đối với Rừng phòng hộ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ + Hỗ trợ nhân công bảo vệ rừng: 400.000 đồng/ha/năm. + Hỗ trợ chi cho công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu: 28.000 đồng/ha/năm. - Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý: + Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm: . Hỗ trợ nhân công bảo vệ rừng: 100.000 đồng/ha/năm. . Hỗ trợ chi cho công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu: 7.000 đồng/ha/năm.	- Việc bổ sung, lồng ghép các nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo đúng quy định; đúng phạm vi, đối tượng; không trùng lặp, chồng chéo, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. Vì vậy, đối tượng thuộc phạm vi ngân sách trung ương hỗ trợ theo các chương trình do trung ương quy định mức hỗ trợ; ngân sách địa phương không quy định lại.

TT	Các ý kiến tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa
	+ Ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững): Hỗ trợ nhân công bảo vệ rừng: 300.000 đồng/ha/năm.	
	*** Lý do đề xuất bổ sung:** - Về nâng mức hỗ trợ từ 300.000 đồng/ha/năm, nâng lên 400.000 đồng/ha/năm là phù hợp với định mức chung đối với công tác bảo vệ rừng của Tiểu dự án 1, dự án 3 Chương trình MT PTKT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý: + Về hỗ trợ nhân công bảo vệ rừng: Hỗ trợ thêm 100.000 đồng/ha/năm. Vì diện tích này trước đây đã được hỗ trợ bảo vệ rừng của Tiểu dự án 1, dự án 3 Chương trình MT PTKT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mức hỗ trợ là 400.000 đồng/ha/năm *(vì khi về đích nông thôn mới các xã này áp dụng xã ngoài khu vực II, III, vì vậy áp dụng mức hỗ trợ từ Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, ngân sách hỗ trợ chỉ 300.000 đồng/ha/năm)* + Về hỗ trợ chi cho công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu: 7.000 đồng/ha/năm. Vì để đảm bảo đủ theo quy định đối với tổng mức 7% tổng kinh phí của chương trình. - Trà Bồng là huyện miền núi, đời sống của người dân còn khó khăn, người dân chủ yếu sống bằng nghề rừng (đặt biệt là hộ dân người đồng bào dân tộc thiểu số), khi các địa phương về đích nông thôn mới phải áp dụng các chính sách theo quy định, vì vậy UBND huyện đề xuất nâng mức hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ của Tiểu dự án 1, dự án 3 Chương trình MT PTKT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	
III	**UBND huyện Minh Long tại Công văn số 282/UBND-KTTH ngày 25/3/2024:** UBND huyện Minh Long hoàn toàn thống nhất các nội dung đã dự thảo, đồng thời đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung **355 ha** rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất đã giao cho cho cộng đồng thuộc các xã khu vực I vào phần phục lục ***"Dự kiến nguồn lực thực hiện hỗ trợ các chính sách theo nội dung".***	Đơn vị soạn thảo giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau: ***Rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III*** đã được quy định ***hỗ trợ theo*** Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022; được quy định mức hỗ trợ bảo

TT	Các ý kiến tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa
		vệ rừng tại Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 4 và Điều 13 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
IV	**UBND huyện Ba Tơ tại Công văn số 567/UBND-KTTH ngày 27/3/2024** Tại trang 4 bản dự thảo báo cáo tác động của chính sách: Xem xét, chỉnh sửa lại mức hỗ trợ nhân công bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn: "321.000 đồng" thành: "300.000 đồng"	Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh
V	**UBND huyện Mộ Đức tại Công văn số 5365/UBND-NL ngày 22/3/2024:** Cần chỉnh sửa, bổ sung Phụ lục dự kiến nguồn lực thực hiện hỗ trợ các chính sách tại Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của Chính sách Quy định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, cụ thể như sau: - Cần tách nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng phòng hộ ven biển thành 02 phụ lục, vì định mức hỗ trợ của hai nội dung này khác nhau. - Tổng diện tích rừng cần hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mộ Đức là 1.853 ha, trong đó: Rừng phòng hộ đầu nguồn là 1.391 ha và rừng phòng hộ ven biển là 462 ha	Đơn vị soạn thảo có ý kiến như sau: - Đối với nội dung này đơn vị soạn thảo giữ nguyên như dự thảo và giải trình: Tại Phụ lục kèm theo có cột đơn giá (đồng/ha); vì vậy, không làm ảnh hưởng đến việc tính toán; đồng thời, Nghị quyết đề nghị xây dựng chỉ đề xuất 03 chính sách nên để cùng 01 Phụ lục để thuận lợi trong theo dõi tổng mức hỗ trợ cho mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương. - Đối với nội dung đơn vị soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, điều chỉnh và giải trình ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp; Tài chính;
- Phòng KH-TC Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, ntkp.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Tô Trọng Phương